TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4/2026/QĐST-LĐ	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Võ Thị Thục Quỳnh - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 01/2026/TLST-LĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 02/2026/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Công ty TNHH M. Địa chỉ: Nhà X và số A, Đường N, Cụm C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Đặng Thị V, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở B. Địa chỉ: Số A, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu ngày 27/11/2025 và quá trình giải quyết vụ việc người yêu cầu bà Bùi Thị T trình bày: Bà T làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 6/2009 và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 7409259508 đến hết tháng 01/2011 bà T nghỉ việc (thời gian tham gia làm việc có đóng bảo hiểm xã hội là 01 năm 08 tháng). Thời điểm đó đồng thời bà Đặng Thị V có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH M từ tháng 9/2009 đến tháng

10/2010, thời gian tham gia làm việc có đóng bảo hiểm xã hội là 01 năm 02 tháng cùng số sổ bảo hiểm xã hội 7409259508. Trong quá trình rà soát thông tin cá nhân giữa các cơ quan Bảo hiểm xã hội, bà T bị trùng quá trình tham gia bảo hiểm xã hội là 01 năm 02 tháng. Bà T và bà V đều đã vi phạm quy định về luật lao động. Toà án quyết định thời gian làm việc tại Công ty TNHH M từ 09/2009 đến tháng 10/2010 là của bà Đặng Thị V.

Theo đơn yêu cầu, bà T có các yêu cầu như sau: Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH M và bà Đặng Thị V (do lấy thông tin cá nhân của bà Bùi Thị T để giao kết hợp đồng lao động, thực tế bà T không thực tế làm việc tại Công ty này) từ tháng 09/2009 đến tháng 10/2010 là vô hiệu.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V trình bày:

Bà V đã mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Bùi Thị T để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH M từ tháng 9/2009 đến hết tháng 10/2010. Nhưng đến tháng 6/2009 bà T đi làm tại Công ty TNHH S và đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội đến hết tháng 9/2011. Đến tháng 7/2025 bà T làm thủ tục giải quyết bảo hiểm xã hội một lần nhưng bị trùng số sổ bảo hiểm xã hội 7409259508 vì thời gian này bà V tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M dưới tên bà T.

Do không hiểu rõ pháp luật cũng như các quy định về bảo hiểm xã hội nên khi Công ty TNHH M thì bà VIên không thông báo cho bảo hiểm xã hội sửa lại thông tin cho đúng mà vẫn lấy thông tin của bà T để đăng ký bảo hiểm. Nay, trước yêu cầu của bà T về việc Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH M với bà Bùi Thị T (do bà Đặng Thị V trực tiếp ký) trong khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2010 là vô hiệu thì bà V không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết, Toà án đã tống đạt hợp lệ các thông báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M nhưng Công ty TNHH M vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản ý kiến cho Toà án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B cung cấp thông tin tham gia bảo hiểm xã hội đồng thời đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên họp:

- Các đương sự gồm bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị V1 và Bảo hiểm xã hội Cơ sở B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Công ty TNHH M vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý việc lao động là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 369, 402 của Bộ luật tố Tụng dân sự. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động đã được xem xét tại phiên họp, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Bùi Thị T (do bà Đặng Thị V ký kết) với Công ty TNHH M từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2010 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị T có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Hợp đồng được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH M có trụ sở tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên họp của những người tham gia tố tụng: Người yêu cầu bà Bùi Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V, Bảo hiểm xã hội cơ sở B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng, các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2010, bà Bùi Thị T được Công ty TNHH M tham gia Bảo hiểm xã hội với mã số 7409259508. Tuy nhiên, bà V và bà T thừa nhận người ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M và thực tế làm việc tại Công ty TNHH M và tham gia Bảo hiểm xã hội với mã số 7409259508 là bà Đặng Thị V, chứ không phải bà Bùi Thị T. Đối với bà Bùi Thị T trong thời từ tháng 6/2009 đến tháng 01/2011 đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH S và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội với mã số 7409259508. Lý do bà Bùi Thị T có thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội với cùng mã số 7409259508 là do bà V mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M.

[2.2] Xét thấy, việc bà Đặng Thị V lấy giấy chứng minh nhân dân của bà Bùi Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M là hành vi gian dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung

cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động. Do đó, bà Bùi Thị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa giữa Công ty TNHH M và bà Bùi Thị T từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2010 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ Bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[6] Về lệ phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 361, 367, 369, 370, 371, 372 và Điều 401, Điều 402 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Bùi Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Bùi Thị T, sinh năm 1987 (do bà Đặng Thị V trực tiếp ký kết) với Công ty TNHH M, thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2010 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Bùi Thị T được miễn theo quy định pháp luật.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc từ ngày Quyết định được niêm yết theo luật định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

TAND KHU VỰC 15

HZA220626.TL.QDBA
2248

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hồng Thắm